

# Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay

Phạm Thị Kiên\*

Nhận ngày 17 tháng 02 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**Tóm tắt:** Trong điều kiện đổi mới công nghệ và tổ chức sản xuất, một mô hình mới đang hình thành nhằm sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực trong sản xuất. Cơ sở của mô hình này là hướng vào bộ phận nhân công có trình độ chuyên môn cao - nguồn nhân lực chất lượng cao. Nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ. Chính vì thế, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khóa:** Nhân lực chất lượng cao, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội.

**Phân loại ngành:** Triết học

**Abstract:** In the context of technological innovation and production organization, a new model is being formed to effectively use and promote human resources in production. The basis of this model is to focus on highly qualified workers - high quality human resources. Human resources, especially high-quality human resources, play a decisive role in the socio-economic development of each country in the context of strong international integration. Therefore, Communist Party of Vietnam and State attach special importance to building and developing high-quality human resources to meet the current requirements of industrialization and modernization of the country and international integration.

**Keywords:** High-quality human resources, international integration, socio-economic development.

**Subject classification:** Philosophy

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Để phát triển nguồn nhân lực, cần phải xây dựng tầm nhìn chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn, mang tầm quốc gia. Đồng thời, trong mỗi giai đoạn nhất định, trong tiến trình phát triển của đất nước, cần xây dựng những chương trình hành động với mục tiêu, định hướng cụ thể, trong đó, phân tích, đánh giá thời cơ, thách thức, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân... để đề ra mục tiêu và giải pháp cho từng giai đoạn phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế. Bài viết tiếp cận trên cơ sở phương pháp luận là nguyên tắc toàn diện và lịch sử cụ thể của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, và những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng sử dụng phương pháp logic và lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp đối chiếu, so sánh. Từ những phương pháp nghiên cứu trên, bài viết làm rõ những vấn đề đặt ra

---

\* Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.  
Email: kienpt@ueh.edu.vn

với chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam - thúc đẩy và đẩy mạnh giáo dục và đào tạo; từ đó, đưa ra những giải pháp để phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cấp bách của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

## **2. Những vấn đề đặt ra đối với nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nguồn nhân lực của Việt Nam vào năm 2021 ngày càng tăng cùng với sự gia tăng của dân số. Lao động 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý IV/2021 ước tính là 49,1 triệu người, bao gồm 14,2 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 0,3% so với năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 16,2 triệu người, giảm 1,5%; khu vực dịch vụ là 18,6 triệu người, giảm 4,1% (Tổng cục Thống kê, 2021). Chỉ số vốn nhân lực của Việt Nam tiếp tục cao hơn mức trung bình của các nước có cùng mức thu nhập mặc dù mức chi tiêu công cho y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội thấp hơn. Việt Nam là một trong những nước ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương có điểm cao nhất về chỉ số vốn nhân lực (Tổng cục Thống kê, 2020). Sự dịch chuyển lao động từ cuối tháng 7/2021 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thị trường lao động tại các khu công nghiệp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước phải đối diện nhiều khó khăn do thiếu hụt nguồn lao động, nhất là khi thành phố thực hiện nới lỏng giãn cách, các doanh nghiệp phục hồi, tái sản xuất. Với quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, việc xem xét nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở làm rõ những tác động và cơ hội, thách thức đặt ra là một trong những yếu tố ảnh hưởng hướng đến chất lượng nguồn nhân lực. Điều này thể hiện rõ những điểm sau:

### *2.1. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam*

Hội nhập kinh tế buộc các nền kinh tế phải tuân thủ các luật chơi chung đã cam kết, mà Việt Nam không nằm ngoài điều đó. Tham gia vào quá trình hội nhập, Việt Nam phải tuân theo những nguyên tắc chung như: tính rõ ràng, minh bạch và công khai mọi chính sách liên quan đến thương mại và đầu tư, không phân biệt đối xử; khuyến khích cạnh tranh công bằng; thừa nhận công cụ bảo hộ sản xuất trong nước duy nhất là thuế quan. Các biện pháp phi thuế cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, sức khỏe con người hay môi trường có thể được duy trì, nhưng phải thông báo công khai và không được áp dụng theo cách thức tạo hàng rào bảo hộ sản xuất trong nước. Tất cả các yếu tố của nền kinh tế như: chính sách doanh nghiệp, người lao động, sản phẩm... dù trực tiếp hay gián tiếp, đều tham gia vào quá trình hội nhập. Sự tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đến nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau:

*Hội nhập kinh tế dẫn đến phải phát triển phân công lao động quốc tế, thực hiện chuỗi giá trị toàn cầu.*

Quá trình này làm cho tính chuyên môn hoá và tính hợp tác trong lao động không chỉ diễn ra trong phạm vi một ngành, một nước, mà diễn ra trong phạm vi toàn thế giới. Xuất hiện các luồng di chuyển lao động giữa các quốc gia với nhau, giữa các ngành kinh tế của các nước với nhau. Phân công và hợp tác lao động có tính quốc tế cho phép lao động Việt Nam di chuyển dễ dàng sang các nước để học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nâng cao thu nhập, chuyển giá trị về nước. Đồng thời, thị trường lao động Việt Nam cũng đón nhận đội ngũ cán bộ lao động là các chuyên gia nước ngoài tham gia vào thị trường lao động trình độ cao, vốn đang thiếu hụt hiện nay. Lao động các ngành có cơ hội cọ xát, làm việc trực tiếp và phải cạnh tranh trong một môi trường đa văn hoá, đa sắc tộc, đa ngôn ngữ. Những ảnh hưởng này vừa tạo ra các cơ hội vừa là những thách thức mới cho lao động Việt Nam.

Xét một cách tổng quan, chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đã có sự cải thiện rõ rệt. Tất cả những yếu tố này đã góp phần nâng cao năng suất lao động của Việt Nam trong thời gian qua. Năm 2020, năng suất lao động toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 117,9 triệu đồng/lao động

(tương đương 5.081 USD/lao động). Năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 tăng 5,78%/năm; giai đoạn 2011-2020, tăng bình quân 5,07%/năm (Tổng cục Thống kê, 2020). So sánh với các quốc gia trong khu vực, năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở mức tương đối thấp và chênh lệch tuyệt đối tiếp tục xu hướng gia tăng. Năng suất lao động của Việt Nam chỉ cao hơn Campuchia; gần tương đồng với Myanmar và Lào; thấp hơn Ấn Độ, Philippines, Indonesia, Trung Quốc, Thái Lan và thấp hơn rất nhiều so với Malaysia cũng như Singapore. Điều này đặt ra vấn đề đối với nguồn nhân lực nước ta là phải hội nhập quốc tế theo hướng phân công lao động trong những lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và kinh tế mũi nhọn trong các khu công nghệ cao, đồng thời xuất khẩu lao động với nguồn nhân lực đông đảo và còn trẻ để tham gia hội nhập với nguồn nhân lực các nước trên thế giới, để có cơ hội học tập, trao đổi trong quá trình nâng cao trình độ để chính nguồn nhân lực đó sau khi về nước được tái sử dụng ở một trình độ cao nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực đang thiếu trong nước.

Trong quá trình phát triển kinh tế, việc Việt Nam hướng tới các chuỗi giá trị toàn cầu đã thúc đẩy chuyển đổi kinh tế bằng cách cho phép các nước đang phát triển chuyên môn hóa và thúc đẩy tăng trưởng cũng như tạo việc làm. Covid-19 đặt ra những thách thức chưa từng có với chuỗi giá trị toàn cầu khi gây gián đoạn đối với cả cung và cầu hàng hóa. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh đó, hướng phát triển toàn cầu là sẽ đẩy mạnh mạng lưới cung ứng để mở rộng và tăng cường việc kết nối kỹ thuật số, nâng cao kỹ năng và năng lực cũng như cơ sở hạ tầng kho vận hỗ trợ. Đại dịch Covid-19 đã tạo động lực mới để xây dựng một mạng lưới sản xuất linh hoạt hơn, đẩy nhanh xu hướng tái cấu trúc các chuỗi cung ứng trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ gia tăng. Các chuỗi cung ứng được xây dựng dựa trên quan hệ lâu dài giữa các tập đoàn kinh tế đa quốc gia và các nhà cung cấp chính của những doanh nghiệp này. Đây là cơ hội để các nước đang phát triển thúc đẩy áp dụng và phổ biến công nghệ, xây dựng năng lực của doanh nghiệp trong nước, và thực hiện các chiến lược mới nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) - đặc biệt là từ các doanh nghiệp, giúp gia tăng giá trị cho chuỗi cung ứng trong nước. Với Việt Nam, chúng ta tập trung vào các vấn đề năng lực cạnh tranh lâu dài và bền vững bằng việc cải thiện năng suất của doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy việc áp dụng và phổ biến công nghệ, xây dựng năng lực và áp dụng chiến lược mới để thu hút FDI, tập trung vào doanh nghiệp tạo ra giá trị gia tăng cho chuỗi cung ứng trong nước.

*Hội nhập kinh tế yêu cầu phải nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, giữ vững thị trường nội địa và từng bước tham gia vào thị trường quốc tế.*

Hiện nay, kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng, và cũng đang chịu nhiều tác động của đại dịch Covid-19. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, tối ưu hóa sản xuất và chi phí, xu hướng dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu nhằm phân tán và giảm thiểu rủi ro đang hiện diện mạnh mẽ, nhiều cơ hội và thách thức đan xen đặt ra cho Việt Nam. Trong bối cảnh đó, nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ quyết định vị thế kinh tế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng thế giới, cũng như quyết định khả năng phát triển thị trường trong nước. Sản phẩm của các nước, trong đó có sản phẩm giá rẻ, đã xuất hiện với mức độ ngày càng nhiều hơn tại thị trường trong nước. Sức ép về cạnh tranh dẫn đến nguồn nhân lực cũng phải được nâng lên về chất lượng và điều chỉnh về cơ cấu, để phù hợp với cơ cấu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index- GCI) được Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum-WEF) sử dụng như một công cụ để đo lường các yếu tố kinh tế vi mô và vĩ mô ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh quốc gia, những điểm mạnh, điểm yếu của các nền kinh tế. Theo GCI 4.0, năm 2019, Việt Nam được xếp hạng ở vị trí 67/141 quốc gia trên thế giới, và ở vị trí 7/9 quốc gia ASEAN (WEF, 2020). Để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đòi hỏi phải nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới công tác quản lý, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực

chất lượng cao sao cho phát huy hết tiềm năng, sức sáng tạo của con người. Trong bối cảnh khủng hoảng nền kinh tế thế giới hiện nay, tính không phù hợp về kỹ năng, thiếu hụt nhân tài và sự phân bổ ngày càng sai lệch giữa các biện pháp khuyến khích và phân thưởng cho nguồn nhân lực chất lượng cao đã được coi là vấn đề đối với việc nâng cao năng suất, sự thịnh vượng và hòa nhập.

*Hội nhập kinh tế làm cho đầu tư nước ngoài tăng lên đã tạo thêm nhiều việc làm nhưng cũng đòi hỏi trình độ cao.*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam năm 2021 ước tính tăng 2,58%, tuy là mức tăng thấp nhất so với các năm trong giai đoạn 2011-2020, song đó là con số đó là đáng khích lệ (Tổng cục Thống kê, 2021). Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang diễn ra trên quy mô toàn cầu với nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế - xã hội của nước ta không tránh khỏi việc bị ảnh hưởng. Vì vậy, yêu cầu phải đẩy mạnh việc xây dựng chính phủ số nhằm kết nối với nền kinh tế thế giới. Để giải quyết thách thức này, trong giai đoạn phục hồi, các quốc gia nên nâng cấp các tiện ích và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số, trong quốc gia mình và với các quốc gia khác, cho cả doanh nghiệp và hộ gia đình. Để nền kinh tế giữ vai trò chủ động và phát triển bền vững, nguồn nhân lực chất lượng cao phải có năng lực thích ứng với tình trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm và sự sụt giảm các nguồn đầu tư tài chính (do tác động và hậu quả của khủng hoảng kinh tế thế giới); có khả năng đề ra các giải pháp gia tăng cơ hội phát triển trong điều kiện thay đổi nhanh chóng của các thể hệ công nghệ, tương quan sức mạnh kinh tế giữa các khu vực (Theo lý thuyết của Colin Grant Clark về cách phân loại các ngành kinh tế thì có 3 khu vực kinh tế: Khu vực thứ nhất là các lĩnh vực sản xuất sơ khai, bao gồm các hoạt động biến đổi tài nguyên thiên nhiên thành sản phẩm sơ khai, sơ khởi; khu vực thứ hai bao gồm các ngành kinh tế sản xuất ra những sản phẩm cuối cùng và có thể sử dụng được; và khu vực thứ ba là khu vực dịch vụ hay công nghiệp dịch vụ). Ngoài ra, nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta phải được đào tạo để có khả năng tham gia lao động ở nước ngoài, tận dụng cơ hội từ tình trạng thiếu lao động ở nhiều quốc gia phát triển để phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng; có đủ năng lực để tham gia với cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu và khu vực. Hiện nay, các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam không chỉ kéo theo vốn đầu tư tăng lên, công nghệ được đổi mới, mà còn theo đó là cơ hội được học tập, nghiên cứu, trao đổi và hợp tác về lao động. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân nước ta được tiếp cận với công nghệ mới, cách thức quản lý điều hành mới, được trực tiếp tham gia vào các dự án lớn có tính quốc tế.

*Hội nhập kinh tế đồng thời cũng xuất hiện những nguyên tắc mới buộc phải tuân thủ.*

Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng về kinh tế, xã hội, văn hoá của nước ta với thế giới. Còn nhiều sự khác biệt trong các quy định về giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực của hệ thống pháp luật Việt Nam so với pháp luật của các nước; mô hình hệ thống giáo dục và đào tạo, nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo nhân lực chưa tương thích và chưa phù hợp với các tiêu chuẩn phổ biến của các nước trong khu vực và thế giới; chưa thu hút được nhiều các nguồn lực quốc tế cho phát triển nhân lực. Việc tổ chức, đánh giá chất lượng dạy và học ngoại ngữ, bồi dưỡng một số hiểu biết, kỹ năng cần thiết để hội nhập quốc tế chưa đáp ứng yêu cầu.

## *2.2. Cơ hội đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam*

*Hội nhập kinh tế tạo cơ hội cho nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam tham gia sâu rộng hơn vào sự phân công và hợp tác lao động quốc tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.*

Đồng thời, các chuyên gia nước ngoài cũng tham gia trực tiếp vào các lĩnh vực của nền kinh tế. Quá trình phân công và hợp tác quốc tế về lao động sẽ tạo cơ hội nâng cao chất lượng nhân lực, đặc biệt là với lao động có trình độ cao. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã thúc đẩy các ngành,

các lĩnh vực không ngừng phát triển nguồn nhân lực để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và thị trường lao động quốc tế. Quá trình này cũng tạo ra nhu cầu cấp bách về việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó lao động có tri thức đang được ưu tiên hàng đầu trong phát triển. Quá trình hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho nhà nước trong việc đưa ra những chính sách nhằm chú trọng phát triển theo chiều sâu, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế; tăng năng suất lao động, tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực, và đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo nên sự phát triển đột phá cho đất nước.

Thông qua quá trình cạnh tranh, để tồn tại và phát triển, Việt Nam buộc phải không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nếu không muốn tụt hậu. Sự phát triển về công nghệ và thiết bị sản xuất cùng với các hoạt động trao đổi chuyên gia giữa các nước với Việt Nam sẽ làm cho trình độ chuyên môn kỹ thuật, khoa học công nghệ tăng lên. Hợp tác quốc tế về lao động có cơ hội phát triển. Việc này tạo động lực to lớn cho việc nâng cao chất lượng nhân lực, chiếm lĩnh và làm chủ các công nghệ và thiết bị tiên tiến trên thế giới. Đồng thời, tạo thêm cơ hội việc làm cho người lao động: khi các dự án đầu tư mới của nước ngoài và các dự án mở rộng các khu công nghiệp hiện có được thực hiện, sẽ là cơ hội để thu hút nhân lực chất lượng cao. Đây cũng là cơ hội việc làm cho họ và gia đình họ. Đặc biệt là các cơ hội về việc làm và tiền công cao cho các đối tượng là lao động có chuyên môn kỹ thuật cao.

*Hội nhập kinh tế tạo ra cơ hội gia tăng các giá trị tài sản vô hình cho bản thân người lao động và các doanh nghiệp thông qua các hoạt động hợp tác, chuyển giao công nghệ với các nước có nền công nghiệp phát triển trên thế giới.*

Đó là các chuẩn mực, mô hình hệ thống tổ chức quản lý hiện đại được áp dụng cho các đơn vị liên hợp sản xuất, các công nghệ mới trong sản xuất sản phẩm chất lượng cao; tạo thêm nguồn lực vật chất cho phát triển nguồn nhân lực. Thông qua các dự án hợp tác đầu tư của các nước phát triển trên thế giới vào Việt Nam, sẽ tạo ra các nguồn tài chính dồi dào hơn cho việc đổi mới công nghệ và thiết bị mọi ngành kinh tế cần vốn lớn và công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, nó còn tạo cơ hội thúc đẩy việc thiết lập cơ cấu lao động theo định hướng thị trường: những lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong khi những lao động không có chuyên môn kỹ thuật phải được cắt giảm. Các cơ chế về tiền lương và thu nhập cũng phải được điều chỉnh theo cơ chế thị trường, để đảm bảo trả công xứng đáng với những đóng góp của người lao động và tạo động lực cho việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

### 2.3. Thách thức đối với nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam

*Thứ nhất, hội nhập kinh tế tạo áp lực về việc làm cho người lao động:* trong quá trình hội nhập, do cơ cấu lại nguồn nhân lực, cùng với việc dư thừa lao động từ các doanh nghiệp nhà nước, sẽ tạo ra các áp lực lớn về việc làm cho người lao động ở nước ta hiện nay. Kể từ khi bùng nổ đại dịch Covid-19 đến nay, tỷ lệ thất nghiệp tăng nhanh, tăng ở hầu hết các nước và nền kinh tế đang phát triển, và tỷ lệ đói nghèo đã bắt đầu tăng một lần nữa, đảo ngược những lợi ích đã đạt được trong vài thập kỷ trước đó. Một bộ phận người lao động mất việc làm do trình độ chuyên môn không đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra, đặc biệt là các lao động phổ thông, lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật và không còn khả năng nâng cao trình độ chuyên môn. Điều này gây tác động xấu về mặt xã hội, làm cho tỷ lệ thất nghiệp tăng lên, người lao động mất việc làm, giảm thu nhập. Cạnh tranh về lao động trình độ cao sẽ ngày càng gay gắt: Đội ngũ các chuyên gia, kỹ sư của Việt Nam phải cạnh tranh với đội ngũ cán bộ kỹ sư có trình độ chuyên môn cao được tiếp xúc với công nghệ tiên tiến hiện đại nhất trên thế giới của các nước khác. Điều này đặt ra thách thức lớn cho việc nâng cao trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam - phải tiếp tục được cập nhật để ngang tầm thế giới. Sự thiếu hụt các giám đốc điều hành các doanh nghiệp, tập đoàn là người

Việt Nam cũng đang đặt ra một bài toán mới về nhân sự cấp cao. Trong khi các dự án lớn liên tục được nghiên cứu, khảo sát đầu tư và triển khai với tốc độ nhanh, thì đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao lại cần phải có thời gian đào tạo. Ngoài việc phải nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, mức độ lành nghề, thì các yêu cầu khác về chất lượng nguồn nhân lực đang được đặt ra như những thách thức mới. Đó là yêu cầu về ngoại ngữ, tin học, tác phong và văn hoá ứng xử công nghiệp, hiểu biết về luật pháp và thông lệ quốc tế... Vậy vấn đề đặt ra với nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam là phải có năng lực thích ứng với tình trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm và sự sụt giảm các nguồn đầu tư tài chính; phải được đào tạo đầy đủ và toàn diện để có khả năng cạnh tranh và tham gia lao động ở nước ngoài trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời có đủ năng lực để tham gia với cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu và khu vực.

*Thứ hai, khó đáp ứng yêu cầu vừa phát triển chuyên môn vừa học tập nâng cao trình độ:* quá trình hội nhập kinh tế quốc tế làm cho thị trường được mở rộng. Tự do hoá thương mại và đầu tư nước ngoài cũng tạo sức ép cho các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam về thị trường lao động chất lượng cao. Cần tiếp tục đổi mới các chính sách phát triển nguồn nhân lực cao nhằm thu hút việc phát triển về quy mô, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực trong những năm tới. Thực tế hiện nay, thể chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực còn thiếu, chưa đồng bộ, một số điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, đã tác động tiêu cực tới việc tham gia vào phân công và hợp tác lao động ở quy mô rộng lớn giữa Việt Nam với các nước khác trên thế giới. Quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam hiện nay vẫn chưa theo kịp quá trình hội nhập kinh tế, văn hoá, xã hội ngày càng sâu rộng. Hệ thống giáo dục chưa bắt kịp với mô hình hệ thống giáo dục và đào tạo nhân lực chất lượng cao của các nước trong khu vực và thế giới. Giáo dục, đào tạo của Việt Nam còn nặng tính hình thức, lý thuyết và yếu kém trong thực hành. Vẫn còn tồn tại tình trạng các doanh nghiệp phải đào tạo lại nguồn nhân lực để đáp ứng trình độ chuyên môn, kỹ năng lao động, kỷ luật lao động.

Những thách thức, cơ hội nêu trên có mối quan hệ, tác động qua lại, có thể chuyển hoá lẫn nhau. Cơ hội không tự phát huy tác dụng, mà tuỳ thuộc và khả năng vận dụng của chúng ta, tận dụng cơ hội tốt sẽ tạo ra thế và lực mới để vượt qua thách thức, tạo ra cơ hội lớn hơn. Ngược lại, nếu không nắm bắt, tận dụng cơ hội thì không những bị bỏ lỡ mà thách thức sẽ tăng lên lần át cơ hội... Những thách thức trên đây đòi hỏi nhân dân ta, mà trước hết, trực tiếp là những nhà quản lý hoạch định chính sách, đội ngũ doanh nhân, các nhà khoa học, các chuyên gia trên mọi lĩnh vực, phải tích cực chuẩn bị có hiệu quả về mọi mặt, vươn lên nhanh trước sức ép để, không những vượt qua thách thức, mà còn có thể biến thách thức thành động lực phát triển.

### **3. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế**

Quá trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi Việt Nam phải đẩy mạnh khoa học, công nghệ, áp dụng những thành tựu của nền kinh tế 4.0 để xây dựng đất nước phát triển bền vững. Muốn vậy, đòi hỏi nguồn nhân lực của nước ta phải có trình độ cao, có năng lực chuyên môn, có khả năng thích nghi với môi trường lao động. Để đạt được mục tiêu đó, phải xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với những yêu cầu sau:

*Một là,* mở rộng quy mô đào tạo đi đôi với đổi mới quy trình và nội dung đào tạo để tăng nhanh số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cao (đặc biệt là những người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên), không ngừng tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lực lượng lao động và đảm bảo chất lượng, đáp ứng những yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. Cần đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.528). Hiện nay, có nhiều

quốc gia trên thế giới đã biết tận dụng triệt để các cơ hội có được để tạo nên những kì tích trong phát triển kinh tế, đưa đất nước phát triển. Cơ cấu dân số vàng cũng có thể đặt ra không ít những khó khăn, thách thức cần giải quyết, như: phân hóa lao động chất lượng cao giữa các vùng kinh tế, tốc độ tăng nhanh của số dân trong độ tuổi lao động sẽ có thể trở thành gánh nặng cho xã hội, tỷ lệ thất nghiệp, năng suất lao động. Ngoài việc xử lý các thách thức trên (Có chính sách phân luồng đào tạo, và đào tạo theo yêu cầu của khu vực để giải quyết thách thức phân hóa lao động chất lượng cao giữa các vùng kinh tế; Nhà nước cần tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số như sàng lọc trước sinh và sơ sinh; mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; mô hình giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và đề án tư vấn và chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng để đảm bảo tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động nhằm tránh gánh nặng về an sinh xã hội; Cần sửa đổi luật Bảo hiểm xã hội, chính sách về luật bảo hiểm, chính sách thất nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để giảm tỷ lệ thất nghiệp và tăng cường chính sách trợ cấp xã hội đối với nguồn nhân lực nước ta hiện nay; Cần xây dựng chương trình đào tạo để nâng cao kỹ năng nghề nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động của nguồn nhân lực chất lượng cao), cần có chính sách hỗ trợ đảm bảo đời sống an sinh của lao động ngoại tỉnh, lao động tự do để họ vượt qua khó khăn.

*Hai là*, xây dựng cho được đội ngũ nhân lực lãnh đạo, quản lý, chuyên gia hoạch định chính sách có đủ phẩm chất chính trị và năng lực lãnh đạo, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa đất nước đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển, bền vững và hội nhập quốc tế thành công. Cần có chính sách phù hợp về cơ chế lương, thưởng đặc biệt đối với nhân tài để khuyến khích nhân tài phát triển, cống hiến, sáng tạo, gắn bó, đồng hành cùng tổ chức. Cần cải thiện cơ chế, chính sách về môi trường làm việc trên cơ sở: “Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức... Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008, tr.91).

*Ba là*, hình thành và phát triển đội ngũ doanh nhân, lãnh đạo doanh nghiệp và chuyên gia quản lý kinh tế giỏi, có đủ trí tuệ, bản lĩnh và năng lực hoạt động có hiệu quả trên thương trường trong nước và quốc tế. Điều này cũng đã được Đảng chỉ rõ trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong thời gian tới, đòi hỏi phải: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.116).

*Bốn là*, xây dựng và phát triển nhanh nhóm nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong khu vực dịch vụ trình độ cao, trước hết là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, khoa học - công nghệ, pháp lý và hoạt động kinh tế đối ngoại và thương mại quốc tế. Đồng thời, nhanh chóng nâng cao thể lực và cải thiện tâm vóc con người Việt Nam đạt chuẩn mực tương đương các nước trong khu vực để đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện con người và những đòi hỏi về tổ chức công việc và đời sống trong xã hội hiện đại. Qua đó, tạo sự an tâm cho nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao sự ủng hộ của doanh nghiệp trước các diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch...

#### **4. Kết luận**

Nguồn nhân lực chất lượng cao là lực lượng tinh túy, kết tinh những gì ưu tú nhất của con người Việt Nam. Trình độ dân trí cao, vốn tri thức và tay nghề giỏi, khả năng nhận thức và tiếp thu nhanh kiến thức mới sẽ là chìa khoá chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học, kỹ thuật và công nghệ,

phát huy yếu tố nội lực quan trọng để phát triển đất nước, đảm bảo đi tắt, đón đầu, chống nguy cơ tụt hậu, rút ngắn được khoảng cách về sự phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vậy nên, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành khâu đột phá nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, Hà Nội.
4. Ngân hàng Thế giới (2020), “Human Capital Index (HCI) (scale 0-1) – Vietnam”, <https://data.worldbank.org/indicator/HD.HCI.OVRL?locations=VN>, truy cập ngày 27/3/2022.
5. Tổng cục Thống kê (2020), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV năm 2020”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/baocao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>, truy cập ngày 1/1/2022.
6. Tổng cục Thống kê (2021), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>, truy cập ngày 15/2/2022.
7. World Economic Forum (WEF) (2020), “Global Competitiveness Report Special Edition 2020: How Countries are Performing on the Road to Recovery”, <https://www.weforum.org/reports/the-global-competitiveness-report-2020/>, truy cập ngày 20/10/2021.